Câu 1: Đầu trên của thận trái đối chiếu lên cơ thể thì nằm ở ngang mức nào?

A. Đốt sống thắt lưng I

B. Bờ dưới xương sườn XII

C. Xương sườn XI

D. Đốt sống ngực XI

Câu 2: Diện nào không được phúc mạc phủ ở mặt trước thận phải?

A. Vùng liên quan với gan

B. Vùng liên quan với kết tràng

C. Vùng liên quan với vùng trần của gan

D. Vùng liên quan với tuyến thượng thận phải

Câu 3: Đâu là mốc chia mặt sau thận thành phần ngực và phần thắt lưng?

A. Xương sườn XII

B. Xương sườn XI

C. Đường trung gian giữa khoang gian sườn XI

D. Cơ hoành

Câu 4: Mạc thận có mấy lá?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 5: Một nephron có những cấu trúc nào sau đây?

A. Tiểu cầu thận và các tiểu ĐM đến-đi

B. Ống lượn gần, ống lượn xa và quai Henle

C. Tiểu cầu thận, ống lượn gần, ống lượn xa, quai Henle và ống góp

D. Tiểu cầu thận, ống lượn gần, ống lượn xa, quai Henle

Câu 6: Nguyên ủy của ĐM thận là?

A. ĐM mạc treo tràng trên

B. ĐM chủ bụng, ngang mức đốt sống thắt lưng I

C. ĐM thận tạng

D. ĐM chủ bụng, ngang mức đốt sống ngực XII

Câu 7: ĐM nội thận lớn nhất là?

A. ĐM phân thùy

B. ĐM cung

C. ĐM gian thùy

D. ĐM gian tiểu thùy

Câu 8: Vị trí nào thường được mở vào thận trong các phẫu thuật lấy sỏi thận?

A. Đường Brodel

B. Mặt sau giữa bể thận

C. Mặt sau trên bể thận

D. Mặt sau dưới bể thận

Câu 9: Chọn câu đúng nhất:

A. Xoang thận còn được gọi là rốn thận

B. Đài thận là đỉnh của tháp thận

C. Tủy thận là phần nhu mô tạo nên bởi các tháp thận

D. Cột thận là phần tủy thận nằm giữa các tháp thận

E. Vỏ thận gồm 2 phần là phần tia và phần lượn

Câu 10: Tầng thắt lưng ở mặt sau của thận, liên quan từ trong ra ngoài với?

A. Cơ thắt lưng, cơ vuông thắt lưng, cơ ngang bụng

B. Cơ chéo bụng trong, cơ vuông thắt lưng, cơ hoành

C. Cơ hoành, cơ ngang bụng, cơ chéo bụng ngoài

D. Cơ vuông thắt lưng, cơ chéo bụng trong, cơ thắt lưng

Câu 11: Ranh giới giữa niệu quản đoạn bụng và đoạn chậu là?

A. ĐM sinh dục

B. Đường cung xương chậu

C. Mào chậu

D. ĐM bàng quang chết

Câu 12: Vị trí nào sau đây không phải là một chỗ hẹp của niệu quản?

A. Nơi bắt chéo với ĐM sinh dục

B. Đoạn trong thành bàng quang

C. Khúc nối bể thận - niệu quản

D. Chỗ bắt chéo ĐM chậu

Câu 13: ĐM nào sau đây không góp phần nuôi niệu quản?

A. ĐM thận

B. ĐM trực tràng dưới

C. ĐM bàng quang dưới

D. ĐM sinh dục

Câu 14: Các mệnh đề nào sau đây là đúng khi nói về niệu quản?

1. Bắt chéo phía sau niệu quản đoạn bụng bên phải là ĐM chậu ngoài
2. Bắt chéo phía sau niệu quản đoạn bụng bên trái là ĐM chậu trong
3. Bắt chéo phía trước niệu quản đoạn bụng là ĐM sinh dục
4. Niệu quản đoạn chậu bên phải đi sau ĐM chậu trong
5. Niệu quản đoạn chậu bên trái đi trong và sau ĐM chậu trong

A. I, II, III

B. III, IV, V

C. I, II, III, IV

D. I, III, V

Câu 15: Niệu quản đoạn chậu?

A. Là đoạn từ mào chậu đến bàng quang

B. Bắt chéo phía trước ống dẫn tinh ở nam giới

C. Bắt chéo phía sau ĐM tử cung ở nữ giới

D. Tất cả đều đúng

Câu 16: ĐM thận?

A. Tại nguyên ủy ĐM thận trái cao hơn ĐM thận phải

B. ĐM thường nằm trước TM thận tương ứng

C. Chia ra 5 nhánh đi vào thận để cấp máu cho nhu mô thận

D. Trong nhu mô thận ĐM có các nhánh nối với nhau

Câu 17: ĐM đến của tiểu cầu thận xuất phát từ?

A. ĐM gian thùy

B. ĐM thẳng

C. ĐM cung

D. ĐM gian tiểu thùy

Câu 18: Các tiểu cầu thận chủ yếu nằm trong phần nào của thận?

A. Phần tia của vỏ thận

B. Phần lượn của vỏ thận

C. Cột thận

D. Tủy thận

Câu 19: Bao xơ của thận là lớp mô liên kết?

A. Bao bọc nhu mô thận

B. Bao bọc bên ngoài mỡ quanh thận

C. Còn gọi là mạc thận

D. Áp sát phúc mạc

Câu 20: Mạc thận?

A. Dính chặt vào bao xơ của thận

B. Hai mạc thận phải và trái thông nhau

C. Bao bọc luôn tuyến thượng thận

D. Nằm trong mỡ quanh thận

Câu 21: Tam giác bàng quang được giới hạn bởi

A. Hai lỗ niệu quản và niệu đạo tiền liệt

B. Hai lỗ niệu quản và lỗ niệu đạo trong

C. Cổ bàng quang, lưỡi bàng quang và lỗ niệu đạo trong

D. Lỗ niệu đạo trong, cổ bàng quang và lỗ niệu đạo ngoài

Câu 22: Ý nào sau đây sai khi nói về bàng quang?

A. Hình dạng thay đổi theo lượng nước tiểu chứa bên trong

B. Nằm dưới phúc mạc

C. Trong chậu hông bé, trước các tạng sinh dục và trực tràng

D. Bàng quang là một túi cơ rỗng, nhẵn bóng

Câu 23: Bàng quang không được cấp máu bởi động mạch nào sau đây ?

A. Động mạch bàng quang trên

B. Động mạch trực tràng dưới

C. Động mạch trực tràng giữa

D. Động mạch thẹn trong

Câu 24: Niệu đạo sau theo cách gọi của các nhà lâm sàng tương ứng với đoạn niệu đạo nào theo cách phân chia giải phẫu?

A. Niệu đạo tiền liệt

B. Niệu đạo xốp

C. Niệu đạo tiền liệt, niệu đạo màng

D. Niệu đạo tiền liệt, niệu đạo màng và phần cố định của niệu đạo xốp

Câu 25: Dây chằng nào của bàng quang cố định cổ bàng quang vào mặt sau khớp mu?

A. Dây chằng mu bàng quang

B. Dây chằng rốn giữa

C. Dây chằng sau bàng quang

D. Dây chằng bên bàng quang

Câu 26: Phần nào là phần thấp nhất và cố định nhất của bàng quang?

A. Cổ bàng quang

B. Đáy bàng quang

C. Đỉnh bàng quang

D. Thân bàng quang

Câu 27: Chọn câu đúng

A. Mặt trên bàng quang của nam liên quan đến trực tràng qua túi cùng túi tinh - trực tràng

B. Nơi gặp nhau của đáy và các mặt dưới bên của bàng quang là đỉnh bàng quang

C. Nơi các mặt dưới bên và mặt trên hợp với nhau ở phía trước là cổ bàng quang

D. Mặt trên bàng quang của nữ liên quan với thân tử cung qua túi cùng bàng quang - tử cung

Câu 28: Phúc mạc che phủ các phần nào sau đây của bàng quang?

A. Mặt dưới bên

B. Mặt dưới bên và phần trên đáy bàng quang

C. Mặt trên và phần cuối đáy bàng quang

D. Mặt trên và phần trên đáy bàng quang

Câu 29: Niệu đạo nam hay bị tổn thương nhất ở đoạn nào?

A. Niệu đạo trước tiền liệt

B. Niệu đạo tiền liệt

C. Niệu đạo màng

D. Niệu đạo xốp

Câu 30: Chi tiết giải phẫu nào không nằm trong niệu đạo đoạn tiền liệt

A. Mào niệu đạo

B. Hốc niệu đạo

C. Lồi tinh

D. Lỗ của túi bầu dục tuyến tiền liệt

Câu 31: Ý nào sau đây không đúng khi nói về niệu đạo nam?

A. Dài khoảng 18-20cm, có 3 chỗ phình và 4 chỗ hẹp

B. Đi từ lỗ niệu đạo trong ở cổ bàng quang tới lỗ niệu đạo ngoài ở đỉnh quy đầu

C. Gồm 4 đoạn: đoạn trước tiền liệt, đoạn tiền liệt, đoạn màng, đoạn xốp

D. Đoạn trước tiền liệt luôn tồn tại cả khi bàng quang đầy hoặc rỗng

Câu 32: Ý nào sau đây đúng khi nói về niệu đạo nữ?

A. Niệu đạo nữ không cố định

B. Đi từ lưỡi bàng quang tới tận hết ở lỗ niệu đạo ngoài

C. Lỗ niệu đạo ngoài là nơi hẹp nhất của niệu đạo, nằm trước âm vật và sau lỗ âm đạo

D. Có nhiều tuyến tiết nhầy được ví như tiền liệt tuyến ở nam giới

Câu 33: Động mạch nào không cấp máu nuôi dưỡng cho niệu đạo nam?

A. Động mạch tiền liệt

B. Động mạch bàng quang trên

C. Động mạch niệu đạo

D. Động mạch hoành dương vật

Câu 34: Khi xương chậu bị vỡ

A. Bàng quang có thể bị vỡ chứ niệu đạo không bao giờ tổn thương

B. Có thể làm đứt niệu đạo đoạn tiền liệt

C. Có thể làm đứt niệu đạo ở giữa đoạn tiền liệt và đoạn màng

D. Có thể làm đứt niệu đạo đoạn đoạn xốp

Câu 35: Cơ thắt niệu đạo trong?

A. Một vòng cơ trơn quanh cổ bàng quang và đoạn trước tiền liệt

B. Được chi phối bởi các sợi thần kinh giao cảm và đối giao cảm từ đám rối thần kinh bàng quang

C. Có vai trò ngăn cản sự trào ngược của tinh dịch vào bàng quang lúc phóng tinh

D. Cả 3 ý trên đều đúng

Câu 36: Ở nam, khi có sỏi thường bị kẹt lại tại các chỗ hẹp của niệu đạo bao gồm

A. Xoang tiền liệt, lỗ sáo, sau vật xốp

B. Lỗ niệu đạo trong, niệu đạo màng, niệu đạo xốp

C. Cổ bàng quang, niệu đạo màng, niệu đạo xốp và lỗ sáo

D. Túi bịt hành, đáy bàng quang, hố thuyền

Câu 37: Cấu trúc được tạo nên bởi di tích của ống niệu rốn thời kỳ phôi thai là

A. Nếp rốn trong

B. Nếp rốn giữa

C. Dây chằng bẹn

D. Dây chằng tròn của tử cung

Câu 38: Chọn câu sai khi nói về mặt dưới bên của bàng quang?

A. Được ngăn cách với xương mu bởi khoang trước mu

B. Ngăn cách với cơ nâng hậu môn và cơ bịt trong bởi mạc hoành chậu trên

C. Khi xương mu gãy, các mảnh xương có thể thủng bàng quang

D. Trong khoang Retzius chứa đầy mỡ và tổ chức liên kết lỏng lẻo

Câu 39: Khi bàng quang rỗng, 2 lỗ niệu quản cách nhau bao nhiêu cm?

A. 1.5cm

B. 2cm

C. 2.5cm

D. 5cm

Câu 40: Tĩnh mạch bàng quang đổ về tĩnh mạch nào khi tạo nên đám rối tĩnh mạch bàng quang?

A. Tĩnh mạch chậu trong

B. Tĩnh mạch chậu ngoài

C. Tĩnh mạch chậu chung

D. Tĩnh mạch tiền liệt